TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN ĐỒ SƠN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 58/2019/QĐST-HNGĐ	*Đồ Sơn, ngày 23 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 93/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Bùi Thị Kim O, nơi cư trú: Số 34 Đ, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng;

- Anh Lưu Tuấn A, nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Kim O và anh Lưu Tuấn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Vạn Sơn, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 16-5-2016. Anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng tháng 10-2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Tuấn A có quan hệ tình cảm với người khác. Anh chị đã cùng trao đổi và cố gắng giải quyết mâu thuẫn, gia đình hai bên cũng đã tác động, khuyên giải, tìm biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng anh chị nhưng không có kết quả. Chị O và anh Tuấn A đã sống ly thân từ tháng 3-2019 đến nay. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị O và anh Tuấn A mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại. Vì vậy, việc chị O và anh Tuấn A thuận tình ly hôn được ghi nhận trong Biên bản thỏa thuận về ly hôn, nuôi con ngày 15 tháng 7 năm 2019 là có căn cứ.

[2] Về con chung: Chị O và anh Tuấn A có 01 con chung là cháu Lưu Thị

Minh N, sinh ngày 04-7-2016. Chị O và anh Tuấn A thỏa thuận giao cháu N cho chị O nuôi dưỡng, anh Tuấn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị O là 3.000.000 đồng/ tháng, thời gian bắt đầu từ tháng 7-2019 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Xét thấy, việc thỏa thuận nuôi con của chị O và anh Tuấn A là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và đảm bảo được quyền lợi chính đáng của cháu N nên cần được công nhận.

[3] Về tài sản chung: Chị O và anh Tuấn A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị O và anh Tuấn A thỏa thuận giao cho chị O nộp 300.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, cần công nhận sự thỏa thuận của chị O và anh Tuấn A về lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản thỏa thuận về ly hôn, nuôi con mà không có đương sự nào ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Kim O và anh Lưu Tuấn A thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị O và anh Tuấn A có 01 con chung là cháu Lưu Thị Minh N, sinh ngày 04-7-2016. Chị O và anh Tuấn A thống nhất giao cháu N cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh Tuấn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị O là 3.000.000 đồng/ tháng, thời gian bắt đầu từ tháng 7-2019 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Chị O và anh Tuấn A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị O nhận nộp lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà chị đã nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, theo Biên lai số: 0007023 ngày 15

tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; chị O đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Vạn Sơn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, HCTP.

THẨM PHÁN

Phạm Hữu Trường